TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2019/HNGĐ-ST Ngày: 28-8-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Lê Mỹ T, sinh năm 1997.

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ tạm trú: khu phố T, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Anh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Huỳnh Lê Mỹ T và ông Võ Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44, ngày 13/3/2017.

Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Giữa hai vợ

chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T không đi làm lo cho gia đình mà thường kiếm chuyện chửi, đánh đập bà T, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ khi sinh con cho đến nay, bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T chưa một lần đến thăm con. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Anh T.

Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung tên Võ Phú T, sinh ngày 09/11/2018. bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Lê Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Anh T nhưng ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Lê Mỹ T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Võ Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Lê Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Võ Anh T. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Võ Anh T đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Lê Mỹ T vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Võ Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 13/3/2017, bà Huỳnh Lê Mỹ T và ông Võ Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, bà T xác định giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm, lối sống. Giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tin tưởng lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông T không đi làm lo cho gia đình mà thường kiếm chuyện chửi, đánh đập bà T. Ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ khi sinh con cho đến nay, bà T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, ông T chưa một lần đến thăm con. Theo kết quả xác minh tại nơi bà T và ông T chung sống thể hiện: Quá trình chung sống, ông T và bà T thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau, hai vợ chồng lo ăn chơi mà không lo làm ăn. Từ cuối năm 2018 đến nay thì ông T và bà T đã không còn chung sống với nhau... Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Huỳnh Lê Mỹ T và ông Võ Anh T có 01 con chung tên Võ Phú T, sinh ngày 09/11/2018. bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Trọng hiện còn nhỏ và đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cũng không có yêu cầu về việc trực tiếp nuôi con. Do đó, việc bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Huỳnh Lê Mỹ T phải chịu số tiền 300.000 đồng; ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Lê Mỹ T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn là ông Võ Anh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lê Mỹ T được ly hôn với ông Võ Anh T.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Lê Mỹ T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Phú T, sinh ngày 09/11/2018.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Lê Mỹ T phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034199 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CC THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung